

Số: /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thuốc có chứng minh
tương đương sinh học Đợt 3 - Năm 2026

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 6 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BYT ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-BYT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 221 tại biên bản họp kèm theo Công văn số 19/HĐTV-VPHD ngày 09/6/2026 và số 20/HĐTV-VPHD ngày 11/6/2026; đợt 129 tại Công văn số 15/HĐTV-VPHD ngày 19/05/2026 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thuốc có chứng minh tương đương sinh học Đợt 3 - Năm 2026 gồm 54 thuốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở kinh doanh dược và Giám đốc cơ sở có thuốc nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Nguyễn Tri Thức (để b/c);
- CT. Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng; Cục Y tế - Bộ Công an;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam - Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: QLKDD, QLCLT, PCHN, QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT (DM).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thành Lâm

Phụ lục
DANH MỤC 54 THUỐC CÓ CHỨNG MINH TƯỜNG ĐƯƠNG SINH HỌC ĐỢT 3 - NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLD ngày / /2026 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
1	Acezym XR 0,5mg	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 0,5mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, túi nhôm PE, vỉ nhôm-PVC/PE/PVDC	520114055426	Pharmathen International S.A.	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece
2	Acezym XR 1mg	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 1mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, túi nhôm PE, vỉ nhôm-PVC/PE/PVDC	520114055526	Pharmathen International S.A.	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece
3	Acezym XR 5mg	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 5mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	520114055626	Pharmathen International S.A.	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece
4	Acigmentin 1000	Amoxicillin(dưới dạng amoxicillin trihydrat) 875mg; Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat kali) 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	893110052124	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Số 322 đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
5	Agirovastin 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110205400 (VD-28823-18)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang, Việt Nam
6	Alakavir	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - nhôm	893110130026	Công ty Cổ phần dược phẩm Pharbaco Thái Bình	Lô CN01 – Cụm công nghiệp An Ninh, Xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

7	AMLODIPINE BESILATE & VALSARTAN 10mg/160mg	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin Besilate) 10mg; Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm	893110106226	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ, Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
8	Ampril Hl 2.5mg/12.5mg Tablets	Ramipril 2,5mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	383110053826	KRKA, d. d., Novo mesto	Šmarješka cesta 6, 8501 Novo mesto, Slovenia
9	ANTIVIC 150	Pregabalin 150 mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, Vỉ PVC – Alu; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	893110090426	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Lô C16, Đường số 9, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
10	AZIZI	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 6 viên, Hộp 5 vỉ x 6 viên, Hộp 10 vỉ x 6 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110117226	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Thôn Bình Lương, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
11	Carhurol 5	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110101226	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Khu A, Số 18, Đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
12	Clopidogrel 75 mg	Clopidogrel (dưới dạng clopidogrel hydrogen sulfate 97,86 mg) 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên, vỉ PCTFE/PE/PVC- Nhôm; Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/ nhôm	893110129826	Cơ sở chuyển giao công nghệ: Laboratórios Basi - Indústria Farmacêutica, S.A; Cơ sở sản xuất (Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Công ty TNHH Liên doanh	- Địa chỉ cơ sở chuyển giao công nghệ: Parque Industrial Manuel Lourenço Ferreira, Lote 15, 3450-232 Mortágua, Portugal; - Địa chỉ cơ sở sản xuất (Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,

						Stellapharm - Chi nhánh 1	Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam (Sản xuất trên dây chuyền EU-GMP)
13	Dapagliflozin 10 mg Danapha	Dapagliflozin (dưới dạng dapagliflozin propanediol monohydrat 12,3mg) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 2 vỉ x 14 viên	893110728124	Công ty Cổ phần Dược Danapha	253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
14	Delopedil	Desloratadine 15mg/30ml	Sirô	Hộp 1 chai x 30 ml, Hộp 1 chai x 60 ml	893110720824	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
15	Diacerein	Diacerein 50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, (vỉ nhôm - nhôm hoặc nhôm - PVC)	893110144800	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Khu A, Số 18, Đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
16	Ditoin 100	Pregabalin 100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110157300	Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9	Số 930 C4, Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
17	Eltium 50	Itoprid hydroclorid 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110268723 (VD-29522-18)	Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
18	Expas Forte	Drotaverin HCl 80mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén, Hộp 3 vỉ x 10 viên nén, Hộp 6 vỉ x 10 viên nén	893110268823 (VD-30857-18)	Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

19	Expressin 200	Quetiapine (dưới dạng Quetiapine fumarate) 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110320123	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
20	Febustad 40	Febuxostat 40mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 9 vỉ x 10 viên	893110107023 (QLDB-687-18)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
21	Febuxostat 80 mg	Febuxostat 80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - nhôm; Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm - PVC; Hộp 1 Chai x 30 viên, chai HDPE	890110077826	RV Lifesciences Limited	Plot No. H-19, M.I.D.C., Waluj, Chhatrapati Sambhajanagar 431133 Maharashtra State, India
22	Fentania 10	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propandiol monohydrat) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110201100	Công ty cổ phần Dược Enlie	Đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
23	Galantamine/Pharmathen 16 mg	Galantamin hydrobromid 20,504mg tương đương với Galantamin 16mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 4 vỉ x 14 viên	520110062926	Pharmathen International SA	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi 69300, Greece
24	Gliclada SR 90 mg Modified-release Tablets	Gliclazide 90mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	383110053926	KRKA, d. d., Novo mesto	Šmarješka cesta 6, 8501 Novo mesto, Slovenia
25	Glycomet – GP2	Metformin hydroclorid 500mg; Glimepirid 2mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110074326	USV Private Limited	Khasra No. 1342/1/2, Hilltop Industrial Area, Jharmajri, Baddi, Dist. Solan, Himachal Pradesh-173 205, India

26	Hapacol 250 Granule	Gói 1g chứa: Paracetamol 250mg	Thuốc cốm sủi bột	Hộp 24 gói x 1g	893100937324	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
27	Hazinta	Linagliptin 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110053223	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
28	Ibafen 400	Ibuprofen 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 100 viên	893100392124	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
29	Imefed MD 400mg/57mg/5mL	Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Syloid (1:1)) 798mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder) 5.600mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 70ml, Chai thủy tinh kèm theo ống nhựa phân liều	893110271924	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy Kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc	Lô B15/I-B16/I, đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
30	Losaliv 25	Losartan potassium 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - PVC/PVdC); Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm)	893110101626	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Khu A, Số 18, Đường Lê Thị Sọc, Ấp 2A, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
31	LUMAN CEFUROXIME 500	Cefuroxime (Dưới dạng Cefuroxime axetil) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	893110086326	Công ty cổ phần Dược – Vật tư y tế Thanh Hóa	Số 04 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

32	Manazith Dry Syrup	Mỗi 5ml hỗn dịch uống sau khi pha có chứa: Azithromycin dihydrat 209,64mg tương đương azithromycin 200mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai chứa bột pha 15 ml hỗn dịch	885110059226	T. Man Pharma Company Limited	69 Soi Bangkhunthian 14, Samaedum, Bangkhunthian, Bangkok 10150, Thailand
33	Misarven A 80/10	Telmisartan 80mg; Amlodipine Besilate 13,88mg tương đương Amlodipine 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110072526	Inventia Healthcare Limited	F1-F1/1-F-75/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East) – Thane 421 506, Maharashtra State, India
34	Misarven A 80/5	Telmisartan 80mg; Amlodipine Besilate 6,94mg tương đương Amlodipine 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110072626	Inventia Healthcare Limited	F1-F1/1-F-75/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East) – Thane 421 506, Maharashtra State, India
35	MITAFIX 50	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat 55,95mg) 50mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 0,75g	893110124826	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Số 112 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
36	Montelukast 10mg	Montelukast (dưới dạng montelukast sodium 10,40mg) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	893710113025	Cơ sở chuyển giao công nghệ: Hovid Berhad; Cơ sở sản xuất (Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	- Địa chỉ cơ sở chuyển giao công nghệ: 121, Jalan Tunku Abdul Rahman (Jalan Kuala Kangsar), 30010 Ipoh, Perak, Malaysia; - Địa chỉ cơ sở sản xuất (Cơ sở nhận chuyển giao công nghệ): Số 40 đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam (Sản xuất trên dây chuyền EU-GMP).

37	Nokomet ER 100/1000	Metformin Hydrochloride (dạng giải phóng chậm) 1000mg; Sitagliptin Phosphate Anhydrous tương đương Sitagliptin 100mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 lọ x 30 viên	890110060726	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot No. 457&458 Matoda Plot No 191/218P Chacharwadi Sarkhej Bavla Highway, Ahmedabad, 382210, India
38	Nufadip 10	Felodipine 10mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110072726	Inventia Healthcare Limited	F1-F1/1-F75/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421506 Maharashtra State, India
39	Opecosyl argin 5	Perindopril arginine 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110813824	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27, Đường 3A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
40	PINDOPRAM 10/10	Perindopril arginine (tương đương với 6,79 mg perindopril) 10mg; Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate 13,8mg) 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu/Alu; Hộp 1 lọ x 30 viên	893110106826	Công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ, Lô M1, đường N3, khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
41	Polzycyna 250 mg	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 3 viên	590110047926	Adamed Pharma S.A. (tên đầy đủ: Adamed Pharma Spółka Akcyjna)	ul. Marszałka Józefa Piłsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland
42	Pratin 2 mg	Pitavastatin calcium 2,09mg tương đương với Pitavastatin 2mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	868110064626	Nobel İlaç Sanayii Ve Ticaret A.Ş.	Sancaklar Mah. Eski Akçakoca Cad. No: 299 81100 DÜZCE, Türkiye
43	Rabeprazole Sodium 20mg	Rabeprazol natri (dưới dạng Rabeprazol natri hidrat 20,9mg) 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 14 viên	840110062626	Laboratorios Liconsa, S.A.	Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares, 19200 Guadalajara, Tây Ban Nha

44	SaVi Amlodipin 10	Amlodipin (dạng Amlodipin besilat) 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ Alu/Alu	893110103026	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (SAVIPHARM J.S.C)	Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
45	Siofor 850	Metformin hydrochloride 850mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 4 vỉ x 15 viên, Hộp 8 vỉ x 15 viên	400110046126	Menarini - von Heyden GmbH	Leipziger Str. 7 -13, 01097 Dresden, Germany (Cơ sở xuất xưởng Berlin Chemie AG, địa chỉ: Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany)
46	Sitagliptin/Metformin HCl XR 50 mg/1000 mg	Sitagliptin (Dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate 64,25mg) 50mg; Metformin hydrochloride 1000mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110120226	Công ty TNHH DRP Inter	Lô EB8, đường số 19A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
47	Sitamet 50/1000	Metformin hydrochloride 1000mg; Sitagliptin (dưới dạng sitagliptin phosphate anhydrous 62,028mg) 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	890110058126	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot No. 5 to 14, Pharmez Near Village Matoda, Tal – Sanand, City: Matoda, Dist.- Ahmedabad, Gujarat State, India
48	Sitamet 50/850	Metformin hydrochloride 850mg, Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate anhydrous 62,028mg) 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	890110058226	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot No. 5 to 14, Pharmez Near Village Matoda, Tal – Sanand, City: Matoda, Dist.- Ahmedabad, Gujarat State, India
49	Tabiliptin 50mg/1000mg	Vildagliptin 50mg; Metformin hydroclorid 1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm	893110130126	Công ty Cổ phần dược phẩm Pharbaco Thái Bình	Lô CN01 – Cụm công nghiệp An Ninh, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

50	TBAugMedic 250mg/31,25mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg, Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1) 31,25mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1 gam, túi giấy/nhôm/polyethylene hàn kín	893110129926	Công ty Cổ phần dược phẩm Pharbaco Thái Bình	Lô CN01 – Cụm công nghiệp An Ninh, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
51	TBZemitin 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 03 viên	893110130226	Công ty Cổ phần dược phẩm Pharbaco Thái Bình	Lô CN01 – Cụm công nghiệp An Ninh, Xã Tiền Hải, Huyện Hưng Yên, Việt Nam
52	Ticasa 60mg	Ticagrelor 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	868110064526	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.	Sancaklar Mah. Eski Akcakoca, Cad. No: 299 81100 Duzce, Türkiye
53	Vastec	Trimetazidin dihydroclorid 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 30 viên	VD-20584-14	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
54	Xaravix 10	Rivaroxaban 10 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VD-35983-22	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Lô B2-B3, Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Ghi chú:

- Số đăng ký 12 ký tự là số đăng ký được cấp mới hoặc gia hạn theo quy định tại Phụ lục V Thông tư 12/2025/TT-BYT ngày 16/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Số đăng ký đã cấp (được ghi trong ngoặc đơn) là số đăng ký đã được cấp trước khi thuốc được gia hạn.